

TT	Huyện	Xã	Vị trí theo bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/2000			Tên cột	Trạng thái	Diện tích (ha)	Quy hoạch 3 loại rừng			Ghi chú
			Tiểu khu	Khoảnh	Lô				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
96	Nghị Lộc	Nghị Kiều	966	4	15		Rừng trồng Keo	0,0102			0,0102	Đường thi công móng trụ
97	Nghị Lộc	Nghị Kiều	966	4	19		Rừng trồng Thông	0,0224			0,0224	Đường thi công móng trụ
98	Nghị Lộc	Nghị Lâm	965	5	3		Rừng trồng Thông	0,0656			0,0656	Đường thi công móng trụ
99	Nghị Lộc	Nghị Văn	962	3	3		Rừng trồng Thông	0,0957		0,0957		Đường thi công móng trụ
100	Nghị Lộc	Nghị Văn	962	4	3		Rừng trồng Keo	0,0865			0,0865	Đường thi công móng trụ
101	Nghị Lộc	Nghị Văn	962	4	5		Rừng trồng Keo	0,2485		0,2485		Đường thi công móng trụ
102	Nghị Lộc	Nghị Văn	962	4	6		Rừng trồng Keo	0,0287			0,0287	Đường thi công móng trụ
103	Nghị Lộc	Nghị Văn	962	4	7		Rừng trồng Keo	0,1513		0,1513		Đường thi công móng trụ
104	Nghị Lộc	Nghị Văn	962	8	10		Rừng trồng Keo	0,0005			0,0005	Đường thi công móng trụ
105	Nghị Lộc	Nghị Văn	962	8	13		Rừng trồng Keo	0,0769		0,0769		Đường thi công móng trụ
106	Nghị Lộc	Nghị Văn	962	9	3		Rừng trồng Thông	0,0136			0,0136	Đường thi công móng trụ
107	Nam Đàn	Khánh Sơn	1019A	3	6		Rừng trồng Thông	0,1423			0,1423	Đường thi công móng trụ
108	Nam Đàn	Khánh Sơn	1019A	5	3		Rừng trồng Thông	0,0016	0,0016			Đường thi công móng trụ
109	Nam Đàn	Khánh Sơn	1019A	6	10		Rừng trồng Thông	0,0436	0,0436			Đường thi công móng trụ
110	Nam Đàn	Nam Kim	1020	11	4		Rừng trồng Keo	0,0978	0,0978			Đường thi công móng trụ
111	Nam Đàn	Nam Kim	1020	11	7		Rừng trồng Thông	0,0239	0,0239			Đường thi công móng trụ

TT	Huyện	Xã	Vị trí theo bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/2000			Tên cột	Trạng thái	Diện tích (ha)	Quy hoạch 3 loại rừng			Ghi chú
			Tiểu khu	Khoảnh	Lô				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
112	Nam Đàn	Nam Kim	1020	1	8		Rừng trồng Keo	0,056	0,056			Đường thi công móng trụ
113	Nam Đàn	Nam Kim	1020	2	9		Rừng trồng Keo	0,0035	0,0035			Đường thi công móng trụ
114	Nam Đàn	Nam Thanh	1012	3	3		Rừng trồng Keo	0,0525	0,0525			Đường thi công móng trụ
115	Nam Đàn	TT. Nam Đàn	1016B	1	2		Rừng trồng Thông	0,0365			0,0365	Đường thi công móng trụ
116	Nam Đàn	TT. Nam Đàn	1016B	1	4		Rừng trồng Thông	0,0592			0,0592	Đường thi công móng trụ
117	Nam Đàn	TT. Nam Đàn	1016B	2	4		Rừng trồng Thông	0,0006			0,0006	Đường thi công móng trụ
118	Nam Đàn	Thượng Tân Lộc	1018	3	3		Rừng trồng Thông	0,0799			0,0799	Đường thi công móng trụ
119	Nam Đàn	Thượng Tân Lộc	1018	4	8		Rừng trồng Thông+Keo	0,1509	0,1509			Đường thi công móng trụ
120	Nam Đàn	Thượng Tân Lộc	1018	4	9		Rừng trồng Thông+Keo	0,1115	0,1115			Đường thi công móng trụ
121	Nam Đàn	Thượng Tân Lộc	1018	4	10		Rừng trồng Thông+Keo	0,0228	0,0228			Đường thi công móng trụ
122	Nam Đàn	Thượng Tân Lộc	1018	6	13		Rừng trồng Keo	0,0206			0,0206	Đường thi công móng trụ
123	Nam Đàn	Thượng Tân Lộc	1018	6	14		Rừng trồng Keo	0,0691			0,0691	Đường thi công móng trụ
Tổng cộng:								25,6361	9,1253	4,6773	11,8335	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Số: 15 /2023/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4853/TT-Tr-STNMT ngày 23/12/2022 (kèm Báo cáo thẩm định số 450/BC-STP ngày 03/12/2022 của Sở Tư pháp); sau khi lấy Phiếu biểu quyết đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh (qua Phần mềm Điện tử TD).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- UBNDTQ tỉnh và các cơ quan đoàn thể cấp tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PITH tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC, NL. *Ch*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này chi tiết việc phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan trong việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có các hoạt động liên quan đến phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Cơ quan, tổ chức phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trong Quy định này bao gồm cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, chủ dự án đầu tư, ban quản lý khu đô thị, khu chung cư, tòa nhà văn phòng có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt và hoạt động văn phòng.

2. Khu vực công cộng trong quy định này bao gồm công viên, khu vui chơi, giải trí, khu du lịch, đền chùa, miếu mạo, khu di tích lịch sử, khu tưởng niệm, danh lam thắng cảnh, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, nhà văn hóa, sân vận động và khu vực công cộng khác.

3. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt là nơi chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt từ các loại phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thải, khu vực công cộng, quét dọn vệ sinh đường phố để chuyển sang phương tiện chuyên dùng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý.

4. Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt là nơi để tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt được thu gom từ nguồn phát sinh và tập kết trong thời gian không quá 48 giờ trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Theo các nguyên tắc chung của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

3. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm hạn chế phát sinh chất thải rắn sinh hoạt; phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt phát sinh phù hợp với mục đích quản lý, xử lý và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Cơ quan, tổ chức có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày được lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Mục 1

PHÂN LOẠI, THU GOM, LƯU CHỨA CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 5. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ cá nhân, hộ gia đình được phân loại phù hợp với mục đích quản lý, xử lý theo các loại sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế gồm các vật dụng, dụng cụ, đồ dùng làm bằng nhựa, kim loại, giấy bị thải bỏ và các loại chất thải vô cơ có khả năng tái sử dụng, tái chế khác.

b) Chất thải thực phẩm gồm thức ăn dư thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng, hư hỏng; các phần rau, củ, quả, thực phẩm thải bỏ từ việc sơ chế, chế biến; rác làm vườn và các loại rác để phân hủy khác.

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác gồm các loại chất thải rắn còn lại ngoài hai loại quy định tại điểm a, điểm b khoản này, có đặc tính khó phân hủy và không có khả năng sử dụng hoặc chế biến lại, bao gồm cả chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt theo quy định tại điểm d khoản này.

d) Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt gồm các sản phẩm có thành phần nguy hại bị thải bỏ như pin thải, ắc quy thải, bóng đèn huỳnh quang hư hỏng; sơn, mực in, chất kết dính thải, nhựa thải có thành phần nguy hại; dầu mỡ thải, để lau dính dầu mỡ tra máy móc, thiết bị; hóa chất, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại; thiết bị, linh kiện điện tử thải có thành phần nguy hại và các chất thải khác theo danh mục tại phụ lục III (bảng C, mã 16) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng định chi tiết, bổ sung một số điều của "Luật Bảo vệ môi trường".

2. Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt theo cách sau:

a) Phân loại rác tái chế thành nhiều loại tùy theo nhu cầu và mục đích tái chế, tái sử dụng. Khuyến khích đồ hết chất thải lỏng hoặc thực phẩm có trong bao bì, hộp, chai lọ... trước khi phân loại đưa vào chất thải tái chế, tái sử dụng.

b) Đối với những loại chất thải có điểm thu hồi theo quy định của nhà sản xuất cần được thu gom, lưu giữ riêng và vận chuyển đến điểm thu hồi của nhà sản xuất.

c) Phân loại riêng chất thải nguy hại từ chất thải rắn sinh hoạt khác; lưu chứa chất thải nguy hại trong thiết bị riêng có nắp đậy và chuyển giao đến điểm tập kết chất thải nguy hại chung của xã/phường/thị trấn (nếu có) hoặc chuyển giao theo quy định của địa phương.

d) Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm thức ăn chăn nuôi hoặc ủ làm phân hữu cơ hoặc làm chất cải tạo đất.

e) Tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải thành các vật dụng hữu ích trong gia đình.

3. Quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện chậm nhất từ ngày 31 tháng 12 năm 2024. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có quyền từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phân loại tại nguồn; không đóng nộp hoặc đóng nộp không đầy đủ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; không sử dụng bao bì đúng quy định (trừ trường hợp hộ gia đình sử dụng loại bao bì của chất thải rắn sinh hoạt khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường). Đồng thời, khi phát hiện hộ gia đình, cá nhân không phân loại hoặc phân loại chất thải rắn sinh hoạt không đúng quy định thì cơ sở thu gom, vận chuyển có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này nếu có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có khối lượng từ 300kg trở lên hoặc nhỏ hơn 300kg mà không lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này thì phải chuyển giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải có chức năng phù hợp hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển để vận chuyển đến cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải theo quy định.

Điều 6. Thu gom, lưu chứa, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại

1. Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại tại nơi phát sinh phải được thu gom trong bao bì đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

2. Việc sử dụng bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt được quy định như sau:

a) Bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt chuyên biệt:

- Được sản xuất bởi cơ sở sản xuất và phân phối do Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 30 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Có quy cách, kiểu dáng, kích thước cụ thể, thể tích khác nhau để đảm bảo dễ dàng phân biệt với các loại bao bì thông thường khác.

- Có màu sắc khác nhau để chứa đựng các loại chất thải rắn khác nhau: bao bì đựng chất thải thực phẩm có màu xanh; bao bì đựng chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế có màu đỏ; bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt khác có màu vàng; bao bì đựng chất thải nguy hại có màu đen.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định giá bán bao bì trên cơ sở giá thành sản xuất bao bì và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Mỗi loại bao bì có thể tích khác nhau, màu sắc khác nhau tương ứng với mức giá khác nhau.

Việc áp dụng quy định về sử dụng bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt chuyên biệt thực hiện sau khi có văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có văn bản quy định bắt buộc sử dụng bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt chuyên biệt theo quy định tại điểm a khoản này thì cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng bao bì thông thường để đựng chất thải rắn sinh hoạt. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện lựa chọn bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại như sau:

- Sử dụng bao bì có màu sắc phân biệt để đựng các loại chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại, chất liệu bao bì có thể nhìn thấy loại chất thải đựng bên trong.

- Bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt có thiết kế dễ buộc, dễ mở, bảo đảm chất thải rắn sinh hoạt không rơi vãi, không rò rỉ nước rỉ từ chất thải và thuận tiện cho việc kiểm tra.

- Khuyến khích việc sử dụng bao bì dễ phân hủy sinh học để chứa đựng chất thải thực phẩm.

3. Bao bì đựng chất thải theo từng loại phải được lót trong các thiết bị lưu chứa riêng biệt đảm bảo lưu giữ an toàn chất thải rắn sinh hoạt trước khi chuyển giao.

4. Các bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển phải được đặt ở các vị trí thích hợp cho việc thu gom, vận chuyển, đảm bảo không rơi vãi, không rò rỉ nước rỉ rác và không phát tán mùi hôi ra môi trường.

5. Phương án chuyển giao đối với chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại:

a) Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế sau phân loại định kỳ chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu hoặc tập kết cùng với các chất thải khác theo quy định tại khoản 6 Điều này hoặc vận chuyển đến điểm thu gom rác tái chế của cộng đồng theo quy định tại khoản 7 Điều này.

b) Đối với chất thải thực phẩm (còn lại sau khi đã tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc làm phân hữu cơ hoặc làm chất cải tạo đất tại hộ gia đình) phải được phân loại riêng để đơn vị quản lý, vận hành hồ ủ rác hữu cơ tại địa phương (nếu có) thu gom, sử dụng làm phân hữu cơ hoặc giao cho cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

c) Đối với chất thải rắn khác sau khi phân loại phải được chuyển giao cho cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Khuyến khích việc thu gom riêng chất thải nguy hại trong thành phần chất thải rắn khác đưa về điểm tập kết chung chất thải nguy hại của địa phương (nếu có) theo quy định tại khoản 6 Điều này.

d) Đối với chất thải rắn công kênh: Chủ nguồn thải phải tự thỏa thuận với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về phương thức vận chuyển, đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh đến nơi tiếp nhận (trạm trung chuyển, điểm tập kết) hoặc khu xử lý. Trong thời gian chờ đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý, chủ nguồn thải có trách nhiệm, biện pháp lưu giữ, bảo quản, hạn chế tập kết ra vỉa hè, lòng đường, khu vực công cộng gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông và cảnh quan môi trường xung quanh.

6. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải bố trí 01 điểm tập kết các bao bì đựng chất thải đã phân loại ở vị trí hợp lý để thuận tiện cho việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc đến khu xử lý theo quy định của địa phương; điểm tập kết phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến giao thông, cảnh quan khu vực.

7. Khuyến khích mỗi cộng đồng dân cư (thôn/xóm, tổ dân phố) thiết lập ít nhất 01 (một) điểm thu gom rác tái chế (mô hình "ngôi nhà xanh") với diện tích phù hợp, có mái che, có các ngăn riêng để chứa từng loại rác tái chế và thiết lập một ngăn chứa riêng để chứa chất thải nguy hại tại điểm thu gom rác tái chế. Định kỳ chuyển giao rác tái chế cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế và chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

8. Chủ đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, khu chung cư, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, công trình đáp ứng lưu giữ từng loại chất thải rắn đã phân loại; thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 4 Điều này; tổ chức thu gom hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sinh sống, làm việc tại khu đô thị, khu chung cư, tòa nhà văn phòng nơi mình quản lý thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh về tại điểm tập kết đã bố trí trong khuôn viên để chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

9. Khuyến khích các thôn, xóm, tổ dân phố thiết lập tổ giám sát môi trường để kiểm tra, giám sát việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt và các hoạt động bảo vệ môi trường khác tại các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

Mục 2

TẬP KẾT, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 7. Tập kết chất thải rắn sinh hoạt

1. Căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương (về địa hình, diện tích, giao thông), Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để bố trí mặt bằng điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại khoản 2 Điều này.

2. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các điều kiện sau:

a) Được bố trí ở vị trí thuận lợi đảm bảo kết nối thuận lợi giữa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý; không ảnh hưởng đến giao thông và môi trường khu vực khi chuyển giao chất thải.

b) Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phải đặt cách công trình nhà ở và các khu vực thường xuyên tập trung đông người $\geq 20m$.

c) Quy mô diện tích của điểm tập kết tùy theo bán kính phục vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể:

- Bán kính phục vụ tối đa 500m thì diện tích điểm tập kết tối thiểu là $20m^2$;

- Bán kính phục vụ tối đa 1km thì diện tích điểm tập kết tối thiểu là $35m^2$;

- Bán kính phục vụ tối đa 7km thì diện tích điểm tập kết tối thiểu là $50m^2$.

d) Điểm tập kết tại các đô thị phải được bố trí ở khu vực có diện tích đảm bảo đủ cho phương tiện dừng chờ đổ chất thải.

đ) Tổng thời gian thực hiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt trong mỗi ngày không quá 3 giờ và mỗi ca chuyển giao không quá 45 phút, trừ các trường hợp đặc biệt như ngày lễ, ngày tết hoặc sau các đợt lũ lụt thì thời gian thực hiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt có thể kéo dài hơn quy định.

e) Điểm tập kết phải bố trí đủ thiết bị lưu chứa đảm bảo cho việc chứa rác đã được phân loại; thiết bị lưu chứa phải đồng bộ và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt để thuận tiện cho việc chuyển giao chất thải từ thiết bị lưu chứa ở điểm tập kết lên xe chuyên dụng mà không làm rơi vãi, rò rỉ nước thải ra nền điểm tập kết.

g) Đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cần hạn chế đổ chất thải trực tiếp ra nền điểm tập kết và có trách nhiệm thực hiện vệ sinh phun khử mùi khu vực điểm tập kết sau khi kết thúc hoạt động chuyển giao chất thải.

3. Điểm tập kết tạm thời là điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt chỉ sử dụng tạm thời trong một khoảng thời gian nhất định trong ngày để chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt; ngoài thời gian đó khu vực này có thể được sử dụng cho

mục đích khác. Khuyến khích các khu vực đô thị sử dụng điểm tập kết tạm thời. Các địa phương tùy theo điều kiện thực tế để quy định cụ thể khoảng thời gian sử dụng của từng điểm tập kết tạm thời trên địa bàn mình quản lý.

Điều 8. Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương (về địa hình, diện tích, giao thông), Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt lựa chọn, bố trí địa điểm xây dựng Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu tại khoản 2 Điều này và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

2. Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trạm trung chuyển quy hoạch phải có tường bao, mái che, hệ thống thu gom, xử lý nước thải và trồng cây xanh xung quanh để khử mùi đảm bảo không phát tán chất ô nhiễm ra môi trường xung quanh.

b) Đảm bảo yêu cầu tiếp nhận và vận chuyển hết khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi bán kính thu gom đến cơ sở xử lý trong thời gian không quá 48 giờ.

c) Quy mô trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tùy theo bán kính phục vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể:

- Bán kính phục vụ tối đa 10km thì diện tích trạm trung chuyển tối thiểu là 500m²;

- Bán kính phục vụ tối đa 15km thì diện tích trạm trung chuyển tối thiểu là 3000m²;

- Bán kính phục vụ tối đa 30km thì diện tích trạm trung chuyển tối thiểu là 5000m².

d) Trạm trung chuyển phải đảm bảo mỹ quan, không gây ô nhiễm môi trường đất, không khí và nguồn nước trong quá trình vận hành.

3. Sở Xây dựng nghiên cứu mô hình công nghệ trạm trung chuyển ngầm, bán ngầm hoặc ngầm hóa một số hạng mục công trình để áp dụng tại các khu vực đô thị nhằm tiết kiệm diện tích sử dụng đất đồng thời bảo đảm mỹ quan đô thị và không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 9. Yêu cầu đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định cụ thể sau:

- Trang thiết bị, phương tiện phải đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải;

- Xe chuyên dụng cuốn ép chất thải rắn sinh hoạt phải có thiết bị lưu chứa nước rỉ rác;

3. Xử lý hết lượng chất thải rắn sinh hoạt đã tiếp nhận theo đúng hợp đồng đã ký kết bằng công nghệ đã được phê duyệt.

4. Quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy trình công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Triển khai thực hiện chương trình giám sát môi trường tại cơ sở và báo cáo kết quả quan trắc đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định.

5. Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường theo quy định đặc biệt là phương án phòng ngừa ứng phó xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã tiếp nhận trong trường hợp xảy ra sự cố đối với trang thiết bị, máy móc, công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở mình. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và chuyên đề theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc địa bàn phục vụ và sở chuyên ngành quản lý liên quan.

6. Phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự, an toàn của khu vực xử lý và xung quanh cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được giao quản lý, vận hành.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tùy thuộc vào tình hình thực tiễn tại địa phương và căn cứ theo phạm vi xử lý chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở xử lý đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư để lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 59 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Điều 13. Xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt

1. Điểm tập kết không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 7, trạm trung chuyển không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này và bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đã ngừng tiếp nhận rác thải trên địa bàn tỉnh phải được xử lý ô nhiễm, cải tạo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Chủ đầu tư cơ sở quản lý bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều 80 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 32 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn để cải tạo, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này hoặc đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường trong trường hợp không còn nhu cầu sử dụng hoặc không đáp ứng yêu cầu theo quy định.

4. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm rà soát các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được xây dựng trên địa bàn để cải tạo, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này hoặc đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường trong trường hợp không còn nhu cầu sử dụng.

Chương III QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

Điều 14. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt nơi công cộng

1. Tổ chức, cá nhân quản lý khu vực công cộng có trách nhiệm sau:

a) Lắp đặt đầy đủ thiết bị để phân loại chất thải rắn sinh hoạt, có nắp đậy đảm bảo không rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường; có dán nhãn ký hiệu riêng;

b) Lựa chọn vị trí đặt thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt ở vị trí thuận tiện cho việc thải bỏ rác của du khách, đảm bảo khoảng cách cứ 300m có bố trí 01 cụm thiết bị lưu chứa chất thải gồm chất thải tái chế, chất thải thực phẩm và chất thải khác;

c) Gắn biển tuyên truyền về giảm thiểu, thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại những khu vực thường phát sinh chất thải rắn sinh hoạt;

d) Hợp đồng để chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo quá trình thu gom, vận chuyển không để lẫn các loại chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại với nhau.

e) Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy chế về bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi quản lý trong đó có nội dung quy định riêng về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

g) Bố trí nhân lực, đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải rắn sinh hoạt nói riêng trong phạm vi quản lý, định kỳ 01 tháng 01 lần tổ chức ra quân vệ sinh môi trường tại khu vực mình quản lý.

2. Tổ chức, cá nhân đến khu vực công cộng khi làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải có trách nhiệm phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào thiết bị lưu chứa tại nơi công cộng.

3. Tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống trong khu vực công cộng phải thực hiện trách nhiệm sau:

a) Ký cam kết với Ban quản lý khu vực công cộng chấp hành nghiêm túc quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và bảo vệ môi trường tại khu vực công cộng.

b) Bố trí đủ thiết bị lưu chứa chất thải đảm bảo cho việc phân loại tại các điểm phát sinh trong khu vực kinh doanh dịch vụ của mình; thiết bị phải được dán nhãn phân biệt các loại chất tái chế, chất thải thực phẩm và chất thải khác.

c) Chủ động thực hiện và hướng dẫn khách mua hàng hóa, dịch vụ thực hiện việc phân loại và thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

d) Vệ sinh khu vực kinh doanh dịch vụ của mình sau mỗi ngày làm việc.

e) Thực hiện trách nhiệm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy chế của Ban quản lý khu vực công cộng và các trách nhiệm bảo vệ môi trường khác theo quy định.

Điều 15. Quy định quản lý chất thải nhựa trong sinh hoạt

1. Quản lý chất thải nhựa tại hộ gia đình:

Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân giảm thiểu chất thải nhựa bằng các cách thức sau:

a) Mang túi, vật dụng từ nhà để đựng sản phẩm, hàng hóa khi đi mua sắm thay cho việc sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần từ nơi bán sản phẩm, hàng hóa.

b) Sử dụng túi ni lông để phân hủy sinh học thay thế túi ni lông khó phân hủy sinh học.

c) Sử dụng các đồ dùng gia dụng bằng các vật liệu khác như gỗ, tre, inox, thủy tinh, sành, sứ thay thế cho các đồ dùng gia dụng làm bằng nhựa.

2. Quản lý chất thải nhựa tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ:

Các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, chợ dân sinh, khách sạn, nhà hàng, quán nước, quán café, quán ăn vỉa hè, cơ sở kinh doanh du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ khác phải thực hiện các nội dung sau:

a) Ký cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã về giảm thiểu rác thải nhựa, hạn chế việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học;

b) Thay thế dần túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần bằng túi ni lông dễ phân hủy hoặc các sản phẩm thân thiện với môi trường, tiến tới chấm dứt việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần.

c) Treo khẩu hiệu, pano và tuyên truyền trực tiếp cho khách mua hàng tại cơ sở kinh doanh dịch vụ của mình về việc giảm thiểu chất thải nhựa, hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần;

d) Khuyến khích khách hàng đưa túi, dụng cụ đựng hàng hóa, sản phẩm từ nhà khi đến mua hàng để hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần do cơ sở kinh doanh, dịch vụ cung cấp.

đ) Hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần cho khách sử dụng dịch vụ ăn uống ngay tại cơ sở kinh doanh dịch vụ của mình, trừ trường hợp khách sử dụng loại thực phẩm, đồ uống đã đóng gói sẵn.

e) Đối với những hàng hóa dạng khô phải sử dụng túi giấy, túi vải hoặc túi ni lông dễ phân hủy hoặc các sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế dần cho túi ni lông khó phân hủy.

f) Đối với các loại thực phẩm, rau, củ, quả phải sử dụng túi ni lông dễ phân hủy để đựng hàng hóa thay thế dần cho túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa sử dụng một lần.